

Số: 362/QĐ-PHDHLN-SV

Đồng Nai, ngày 13 tháng 04 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Chi trả tiền Hỗ trợ chi phí học tập (HT CPHT)  
cho Sinh viên là người dân tộc thiểu số đợt 1 năm 2021**

### GIÁM ĐỐC

#### PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 01/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Phân hiệu Trường ĐHLN tại Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường ĐHLN tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 v/v Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Hội đồng xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội và miễn giảm học phí cho sinh viên là người dân tộc thiểu số học ngày 12/04/2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho 23 sinh viên hệ chính quy là người dân tộc thiểu số diện hộ cận nghèo đợt 1 năm 2021, như sau:

(Danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo được cấp hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương căn bản và được cấp đợt 1 là 05 tháng kể từ tháng 01/2021.

**Điều 3.** Trưởng các Khoa CN&KT; Kinh tế; Lâm học; Nông học; TN&MT, Phòng CT&CT SV; TCKT và các sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SV.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Sỹ Hà



## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Ban hành kèm theo quyết định số: 362/QĐ-PHDHLH-SV ngày 13 tháng 04 năm 2021

của Giám đốc Phân hiệu trường ĐH Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai"

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Tên Lớp	Đối tượng	Dân tộc	Lương tối thiểu 1.490.000		Thành tiền	Ghi chú
							Số tháng	Mức hỗ trợ/tháng		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7*8)	
<b>A</b>	<b>Khoa CN&amp;KT</b>									
1	207580108007	Ba Râu Rây	01/01/1999	K65_TKNT	DT+CN	Raglay	5	894.000	4.470.000	
2	207580108004	Đa rúi Hà Khương	10/05/2002	K65_TKNT	DT+ĐN	churu	5	894.000	4.470.000	
<b>B</b>	<b>Khoa Kinh tế</b>									
3	207620211006	Điểu Húu	14/04/2001	K65_QTKD	Dtvc+C.ngheo	Stieng	5	894.000	4.470.000	
<b>C</b>	<b>Khoa Lâm học</b>									
4	197620205001	K' Luyện	24/05/2001	K64_Lâm Sinh	dtvc+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
5	175850103019	Liêng Hót Ha Sao	05/06/1999	K62_QLĐĐ	dtevc+ĐN	Cil	5	894.000	4.470.000	
6	187620205009	K' Sử	04/05/2000	K63_Lâm Sinh	dt+C.ngheo	Kơ Ho	5	894.000	4.470.000	
7	197850103023	H' Trim	09/05/2000	K64_Lâm Sinh	dtevc+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
<b>D</b>	<b>Khoa Nông học</b>									
8	207620110002	Kon Sơ K' RiAm	05/08/2001	K65_KHCT	dt+C.ngheo	Cil	5	894.000	4.470.000	
9	187620110020	Ma Hàng	15/04/2000	K63_KHCT	Dtvc+C.ngheo	churu	5	894.000	4.470.000	
10	187620205006	Bo Bo Thị Quỳnh Như	07/06/2000	K63_KHCT	dt+C.ngheo	Raglay	5	894.000	4.470.000	
11	187620205007	Bo Bo Thị Thê	20/06/2000	K63_KHCT	dt+ĐN	Raglay	5	894.000	4.470.000	
12	175640101022	Nông Thị Nguyên	04/09/1997	K62A_Thú y	dt+ĐN	Stieng	5	894.000	4.470.000	
<b>E</b>	<b>Khoa TN&amp;MT</b>									



13	175850101006	Vi Văn Nhỏ	17/04/1998	K62_QLTN&MT	dt+ĐN	Nùng	5	894.000	4.470.000	
14	197620211014	H' Phiếu	17/05/2001	K64_QLTNR	Dtvc+C.nghèo	Mạ	5	894.000	4.470.000	
15	197620211010	Kon Sơ Ha Huynh	21/03/2000	K64_QLTNR	dt+C.nghèo	Cil	5	894.000	4.470.000	
16	175620211023	H' Bảo Yên	10/08/1999	K62_QLTNR	dtvc+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
17	187620211040	Pinăng Thiếc	05/10/1998	K63_QLTNR	dt+C.nghèo	Raglay	5	894.000	4.470.000	
18	207620211029	Điều Huy	12/01/2002	K65_QLTNR	dtvc+ĐN	M'nông	5	894.000	4.470.000	
19	207850104001	H' Glăng	05/01/2002	K65_QLTN&MT	DT+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
20	207620211023	Điều Điệp	10/03/2000	K65_QLTNR	dt+C.nghèo	S'tiêng	5	894.000	4.470.000	
21	207620211021	K' Vương	16/03/2001	K65_QLTNR	dt+C.nghèo	Kơ Ho	5	894.000	4.470.000	
22	207620205002	K' Nes	23/07/2002	K65_QLTNR	dtvc+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
23	207620211004	H' Dôh	06/07/2001	K65_QLTNR	dtvc+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
<b>Cộng</b>									102.810.000	

*(Một trăm lẻ hai triệu tám trăm mười ngàn đồng chẵn)*

